

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày 25-4-2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh.
2. Ông Hà Văn Tý.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST - HNGĐ, ngày 22/3/2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX ST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bàn Tiến P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt
(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Bàn Tiến P trình bày: anh và chị Bàn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/2/1999 tại thôn N, xã N1, huyện V nhưng không ra Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Năm 2007 anh đi làm ăn xa ít khi về nhà, chị Bàn Thị L ở nhà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chính quyền địa phương, gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị L không rút kinh nghiệm sửa chữa. Tại phiên tòa anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 3 năm 2019 bị đơn chị Bàn Thị L thừa nhận việc chị và anh Bàn Tiến P chung sống như vợ chồng đúng như anh P đã trình bày. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2007 do anh P đi làm ăn xa nhà ít quan tâm đến vợ con, ngoài ra do tính tình không hợp nên vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, anh chị đã không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2017, nay anh P đề nghị được ly hôn chị đồng ý. Ngày 23/4/2019 chị Bàn Thị L có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Tại biên bản hòa giải về con chung anh Bàn Tiến P và chị Bàn Thị L đều khai thống nhất có hai con chung là Bàn Tồn V, sinh ngày 11/8/2000 và Bàn Hữu M, sinh ngày 01/7/2005. Hai anh chị thỏa thuận Con chung Bàn Tồn V đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Bàn Hữu M trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng với bố, anh Bàn Tiến P trực tiếp nuôi dưỡng, chị Bàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị L vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Bàn Thị L. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phúc: tuyên bố không công nhận anh Bàn Tiến P và chị Bàn Thị L là vợ chồng. Về con chung: căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận anh Bàn Tiến P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bàn Hữu M, sinh ngày 01/7/2005, chị Bàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX ST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 cho chị Bàn Thị L hợp lệ và chị Liễu có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chị Bàn Thị L vắng mặt, anh Bàn Tiến P không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Bàn Thị L.

[2] Nguyên đơn anh Bàn Tiến P và bị đơn chị Bàn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/2/1999 tại thôn N, xã N1, huyện V, tỉnh Yên Bái, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Văn Chấn đã xác nhận anh Bàn Tiến P và chị Bàn Thị L không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 14 khoản 1 và Điều 53 khoản 2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chung sống như

vợ chồng giữa anh P và chị L không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Yêu cầu của anh P được Tòa án chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Tiến P và chị Bàn Thị L.

[3] Về con chung: Anh Bàn Tiến P và chị Bàn Thị L có hai con chung là Bàn Tòn V, sinh ngày 11/8/2000 và Bàn Hữu M, sinh ngày 01/7/2005. Con chung Bàn Tòn V đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Bàn Hữu M đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng với bố. Anh Bàn Tiến P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Hữu M, không yêu cầu chị Bàn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bàn Thị L nhất trí với nguyện vọng anh P và con chưa thành niên. Sự thỏa thuận của anh P và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh Bàn Tiến P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Bàn Tiến P** và chị **Bàn Thị L**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận anh Bàn Tiến P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bàn Hữu M, sinh ngày 01/7/2005. Chị Bàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bàn Tiến P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0000088 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, anh P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Bàn Tiến P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Bàn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự; UBND xã N1;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Minh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA